

Bản án số: 14/2017/HS-ST
Ngày 21 – 9 – 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Ngô Thành Long, Trưởng ban đại diện Hội người cao tuổi thị xã Ngã Năm.

Ông: Bùi Chí Tâm, Hiệu trưởng trường Trung học cơ sở xã Mỹ Bình, thị xã Ngã Năm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tòng, kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2017/HSST ngày 16 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T2, sinh năm 1996, tại Ngã Năm, Sóc Trăng; trú tại khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 05/12; cha Nguyễn Việt H, mẹ Nguyễn Thị Lê G; có vợ chưa có con; tiền sự, tiền án không; bị khởi tố ngày 04/4/2017 và áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*” cho đến nay. Bị cáo T2 có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Huỳnh Thị Diệu O, luật sư của Văn phòng luật sư Hoàng O, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (*Luật sư O có mặt tại phiên tòa*).

Người bị hại: Em Võ Cát P, sinh ngày 28/9/2000 (*Có mặt*).

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, huyện R, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

Ông Võ Văn L, sinh năm 1963 (*Có mặt*).

Bà Cù Thị Y, sinh năm 1963 (*Vắng mặt*).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, huyện R, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại: Ông Trần Quốc D, luật sư của Văn phòng luật sư Quốc D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng (*Luật sư D có mặt tại phiên tòa*).

NHẬN THẤY:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Hồng T2 sinh năm 1996 và Võ Cát P, sinh ngày 28/9/2000 được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 27, 28/4/2016 âm lịch (*Nhằm ngày 02, 03/6/2016 dương lịch*); cả hai về sống chung với nhau như vợ chồng được hơn 04 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn với nhau; đến ngày 06/10/2016 thì Cát P về nhà cha mẹ ruột sống.

Ngày 25/10/2016, ông Võ Văn L là cha ruột của Cát P đến Công an phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng trình báo và có yêu cầu xử lý hình sự đối với T2 về hành vi “*Giao cấu với trẻ em*”.

Quá trình điều tra, chứng minh được T2 và Cát P có hành vi giao cấu với nhau lần thứ nhất vào ngày 03/6/2016 dương lịch; giao cấu lần thứ hai vào ngày 04/6/2016 dương lịch. Sau đó, trong quá trình chung sống T2 với Cát P tiếp tục giao cấu với nhau rất nhiều lần nữa, bản thân T2 và Cát P không xác định được khoảng bao nhiêu lần. Đồng thời, cơ quan Cảnh sát điều tra công an thị xã Ngã Năm giới thiệu Cát P đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng để khám phụ khoa nhằm xác định tình trạng bị xâm hại tình dục.

Theo giấy chứng nhận thương tích số 240/CNTT-2016, ngày 10/11/2016 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng kết luận tình trạng thương tích lúc vào viện: Nạn nhân tỉnh táo, toàn thân không vết bầm, bọng mềm, khám phụ khoa màng trinh rách cũ ở 04 giờ, 09 giờ, 12 giờ; khám trực tràng, tử cung nhỏ, hai phần phụ không chạm; cận lâm sàng, xét nghiệm soi tươi dịch âm đạo tìm tinh trùng, kết quả không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo; test thai âm tính.

Vào ngày 15/6/2017, T2 gửi đơn yêu cầu đề nghị giám định độ tuổi đối với Cát P, vì cho rằng thời điểm tổ chức đám cưới thì Cát P đã đủ 16 tuổi; sau đó, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo không chấp nhận đơn đề nghị giám định độ tuổi của T2.

Quá trình điều tra, T2 đã thừa nhận có hành vi giao cấu với Cát P nhiều lần, do các lần giao cấu với nhau thì Cát P chưa tròn 16 tuổi; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ngã Năm ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T2 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi giao cấu với Cát P, bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi giao cấu với Cát P, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi giao cấu của mình; gia đình bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm nhằm bồi thường một phần thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại Cát P; do trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Cát P và ông Võ Văn L (*Là cha của Cát P*) yêu cầu bị cáo T2 bồi thường danh dự, nhân phẩm cho Cát P theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết theo pháp luật về số vàng mà gia đình bị cáo T2 đã cho vào thời điểm đám cưới là 14 chỉ vàng 24k. Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng cần xử lý.

Tại Cáo trạng số: 11/QĐ – KSĐT, ngày 14/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm quyết định truy tố ra trước Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm để xét xử bị cáo Nguyễn Hồng T2 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa:

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm giữ nguyên quan điểm đã quyết định truy tố bị cáo T2 về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999 và áp dụng Điều 47 BLHS 1999, tuyên phạt bị cáo T2 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã Ngã Năm chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo T2 bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại Cát P từ 04 đến 08 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định; còn số vàng cho ngày cưới không có liên quan đến vụ án, nên không đặt ra xem xét. Về xử lý vật chứng: Không có vật chứng cần xử lý.

- Bị cáo T2 thừa nhận toàn bộ hành vi giao cấu với bị hại Cát P như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát như đã nêu trên và sau đám cưới thì mỗi ngày bị cáo đều có giao cấu với bị hại Cát P; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo, vì bị cáo là trụ cột chính trong gia đình. Về bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín thì yêu cầu xem xét theo pháp luật; còn số vàng cho khi cưới để thỏa thuận sau với phía bị hại.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày, thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về tội giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS, vì qua lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, thì có đủ căn cứ xác định bị cáo có hành vi giao cấu với bị hại Cát P, khi đó bị hại chưa tròn 16 tuổi; việc truy tố trên là thỏa mãn về mặt chủ thể, khách thể, về mặt khách quan, chủ quan; nhưng hành vi phạm tội của bị cáo T2 xuất phát từ tình trạng tảo hôn giữa hai bên gia đình, do sự thống nhất sắp xếp tổ chức lễ cưới giữa hai bên gia đình tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo và bị hại thực hiện hành vi giao cấu với nhau. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo không có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo sống ở vùng nông thôn sâu, trình độ học vấn thấp, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật ở địa phương, có khả năng tự cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS, nên bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 60 BLHS theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01, ngày 06/11/2013 của Hội

đồng Thẩm phán TAND tối cao. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

- Người bị hại Võ Cát P và người đại diện hợp pháp cho bị hại Cát P yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T2 và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2 Riêng bị hại yêu cầu bị cáo T2 bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín theo quy định của pháp luật; còn người đại diện hợp pháp thì yêu cầu bị cáo T2 bồi thường bằng 40 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định và xem xét giải quyết 14 chỉ vàng 24k cho ngày cưới theo quy định của pháp luật.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Võ Cát P trình bày thống nhất Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm; căn cứ vào lời luận tội của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS và áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với nguyện vọng của gia đình người bị hại; còn về bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín, đại diện hợp pháp người bị hại yêu cầu 40 tháng lương tối thiểu, người bị hại yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát thì đề nghị từ 04 – 08 tháng lương tối thiểu, đề nghị HĐXX cân nhắc giải quyết thỏa đáng, vì khi bị xâm hại người bị hại chưa đủ 16 tuổi sẽ có ảnh hưởng đến tương lai sau này; còn đối với vàng cưới thì Viện kiểm sát nhận định không có liên quan đến vụ án này và người bị hại có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác thì cũng phù hợp.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

- **Về tố tụng:** Người đại diện hợp pháp cho bị hại bà Cù Thị Y vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt vì lý do bị bệnh không thể tham dự phiên tòa được và những người làm chứng ông Cù Văn Đ, bà Nguyễn Thị U, ông Phan Văn O, bà Đỗ Thị K, ông Võ Văn E đều vắng mặt không có lý do. Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xét xử vắng mặt những người này; việc vắng mặt của người này không gây cản trở cho việc xét xử, nên HĐXX căn cứ Điều 191, 192 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, tiến hành xét xử vắng mặt những người vừa nêu trên.

- **Về nội dung:** Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng T2 đã khai nhận toàn bộ hành vi giao cấu với bị hại Võ Cát P như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người làm chứng và biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Nên có đủ căn cứ xác định rằng Nguyễn Hồng T2 và Võ Cát P, sinh ngày 28/9/2000 được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào ngày 27, 28/4/2016 âm lịch (*Nhằm ngày 02, 03/6/2016 dương lịch*); cả hai về sống chung với nhau như vợ chồng được hơn 04 tháng; quá trình chung sống với nhau, giữa bị cáo T2 và bị hại Cát P có hành vi giao cấu với nhau lần thứ nhất vào ngày 03/6/2016 dương lịch; giao cấu lần thứ hai vào

ngày 04/6/2016 dương lịch. Sau đó, trong quá trình chung sống bị cáo T2 với bị hại Cát P tiếp tục giao cấu với nhau rất nhiều lần nữa, theo bị cáo T2 thì mỗi ngày đều có giao cấu với bị hại Cát P; các lần giao cấu với nhau tại nhà của bị cáo T2 thuộc khóm A, phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bị cáo T2 đã có hành vi giao cấu với bị hại Cát P rất nhiều lần, tính đến ngày bị cáo T2 có hành vi giao cấu với bị hại Cát P thì bị hại Cát P chưa tròn 16 tuổi. Mặc dù, bị cáo T2 cho rằng bị cáo nghe nói Cát P 17, 18 tuổi nhưng bị cáo không yêu cầu được xem giấy tờ tùy thân của Cát P để xác định chính xác tuổi của Cát P, nên bị cáo là người có lỗi trong việc giao cấu với bị hại Cát P. Do đó, hành vi bị cáo T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với trẻ em*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 của BLHS năm 1999 đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố.

Vào ngày 15/6/2017, bị cáo T2 gửi đơn yêu cầu đề nghị giám định độ tuổi đối với Cát P, vì cho rằng thời điểm tổ chức đám cưới thì Cát P đã đủ 16 tuổi; sau đó, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo không chấp nhận đơn đề nghị giám định độ tuổi của T2. Sau đó, bị cáo T2 có đơn yêu cầu giám định độ tuổi của Cát P gửi đến Tòa án. Thấy rằng, các giấy tờ tùy thân của người bị hại Cát P đều thống nhất với nhau, xác định bị hại Cát P sinh ngày 28/9/2000. Mặc dù, cha của bị cáo là ông Nguyễn Việt H cho rằng khi hỏi cưới Cát P cho T2 thì có hỏi tuổi của Cát P thì cha mẹ Cát P cho biết Cát P tuổi con mèo, 18 tuổi, khi đó có bà Đỗ Thị K, ông Võ Văn E, ông Nguyễn Thanh T chứng kiến, nhưng những người vừa nêu cho rằng không nghe nói về tuổi của Cát P; tất cả lời khai của những người làm chứng không có mâu thuẫn, không có chứng cứ nào khác để chứng minh bị hại Cát P còn có ngày tháng năm sinh khác, nên không có căn cứ để trưng cầu giám định độ tuổi của người bị hại; vì vậy, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của bị cáo về việc trưng cầu giám định độ tuổi của người bị hại.

Xét thấy, bị cáo T2 là người có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây ra với lỗi cố ý đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, uy tín, nhất là xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em; hành vi của bị cáo còn gây mất ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương, nên việc truy tố đưa bị cáo T2 ra xét xử nghiêm trước pháp luật là rất cần thiết. Song, thấy rằng bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trước khi thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi giao cấu của mình; gia đình bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm nhằm bồi thường một phần thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại Cát P; do trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; đây được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo T2 xuất phát từ việc sắp đặt của cha mẹ hai bên, nên việc bị cáo T2 thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Cát P là do lỗi cố ý gián tiếp và cha mẹ hai bên có một phần lỗi trong trường hợp này. Mặt khác, bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật ở địa phương;

có khả năng tự cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội; nên đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, HĐXX thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần tuyên mức án tù cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo T2 phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS năm 1999. Đồng thời, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 33, 45; điểm b, p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS năm 1999 và áp dụng Điều 47 BLHS tuyên phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Thấy rằng, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm là phù hợp, nhưng chưa xem xét đầy đủ và toàn diện tính khách quan của vụ án, nên HĐXX cân nhắc và áp dụng Điều 60 để cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp hơn.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày, thống nhất với Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về tội giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS và đề nghị HĐXX xem xét về nhân thân của bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng nhằm khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo sống ở vùng nông thôn sâu, trình độ học vấn thấp, nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế, từ trước đến nay bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật ở địa phương, có khả năng tự cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội. Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 BLHS, nên bị cáo có đủ điều kiện để được áp dụng Điều 60 BLHS theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01, ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy, đề của Luật sư bào chữa cho bị cáo là có căn cứ như vừa nhận định ở phần trên, nên HĐXX chấp nhận.

- **Về trách nhiệm Dân sự:** Người bị hại Võ Cát P và người đại diện hợp pháp cho bị hại Cát P yêu cầu xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T2 và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T2. Riêng bị hại yêu cầu bị cáo T2 bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín theo quy định của pháp luật; còn người đại diện hợp pháp thì yêu cầu bị cáo T2 bồi thường bằng 40 tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định và xem xét giải quyết 14 chỉ vàng 24k cho ngày cưới theo quy định của pháp luật. Xét thấy, về trách nhiệm hình sự thì HĐXX đã xem xét như nhận định ở phần trên. Còn yêu cầu bồi thường thiệt hại về danh dự, nhân phẩm, uy tín thì thấy rằng sự việc xảy ra là do một phần lỗi của gia đình hai bên, có sự đồng thuận giữa bị cáo và người bị hại, người bị hại không có bị thương tích cũng không có chi phí cho việc điều trị, cứu chữa .v.v; nên HĐXX căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, xác định bị cáo T2 có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại Cát P bằng 08/10 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị HĐXX buộc bị cáo T2 có trách nhiệm bồi thường danh dự, nhân

phẩm, uy tín cho bị hại Cát P từ 04 đến 08 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, đề nghị này có căn cứ nên HĐXX chấp nhận. Còn đối với số vàng cho ngày cưới là 14 chỉ vàng 24k không có liên quan đến vụ án này, nên HĐXX không đặt ra xem xét, người bị hại có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Võ Cát P trình bày thống nhất Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm; căn cứ vào lời luận tội của Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115 BLHS và áp dụng điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù là phù hợp với nguyện vọng của gia đình người bị hại; còn về bồi thường danh dự, nhân phẩm, uy tín, đại diện hợp pháp người bị hại yêu cầu 40 tháng lương tối thiểu, người bị hại yêu cầu xem xét theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát thì đề nghị từ 04 – 08 tháng lương tối thiểu, đề nghị HĐXX cân nhắc giải quyết thỏa đáng, vì khi bị xâm hại người bị hại chưa đủ 16 tuổi sẽ có ảnh hưởng đến tương lai sau này; còn đối với vàng cưới thì Viện kiểm sát nhận định không có liên quan đến vụ án này và người bị hại có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác thì cũng phù hợp. Xét thấy, lời trình bày bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại là chưa hoàn toàn phù hợp như nhận định ở phần trên, chưa phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án, nên không được ghi nhận.

- **Về xử lý vật chứng:** Không có vật chứng cần xử lý.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Bị cáo T2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và theo quy định tại khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Hồng T2 phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 115, Điều 33, 45, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (*Sửa đổi, bổ sung năm 2009*).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T2 03 (Ba) năm tù, cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 60 (*Sáu mươi*) tháng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21/9/2017. Giao bị cáo T2 cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã C, tỉnh Sóc Trăng có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

- **Về trách nhiệm Dân sự:** Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 592 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo Nguyễn Hồng T2 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm, uy tín cho bị hại Võ Cát P số tiền là 10.400.000 đồng (*Mười triệu bốn trăm nghìn đồng*).

Tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) do ông Nguyễn Việt H nộp thay bị cáo Nguyễn Hồng T2 theo biên lai thu số 004683, ngày

19/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng để đảm bảo thi hành án.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo T2 còn phải trả lãi cho người bị hại theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm thi hành án.

- **Về xử lý vật chứng:** Không có vật chứng cần xử lý.

- **Về án phí hình sự sơ thẩm:** Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hồng T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 520.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; tổng cộng phải chịu là 720.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp cho bị hại, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKS thị xã Ngã Năm;
- CA thị xã Ngã Năm;
- Bị cáo;
- Người bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Toàn